

Số: 05/2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

**Quy định Chế độ báo cáo thống kê
thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 11 năm 2014, ngày 12 tháng 6 năm 2018, ngày 13 tháng 11 năm 2020 và ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính (sau đây gọi chung là báo cáo thống kê thi hành án dân sự); sử dụng và công bố, phổ biến thông tin thống kê; kiểm tra, thẩm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổng cục Thi hành án dân sự; Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng; Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Thi hành án dân sự); Phòng Thi hành án quân khu và tương đương (sau đây gọi chung là Phòng Thi hành án cấp quân khu); Chi cục Thi hành án

dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Chi cục Thi hành án dân sự);

b) Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính; Chấp hành viên, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp làm công tác thi hành án dân sự trong quân đội;

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hệ thống biểu mẫu thống kê

Biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

1. Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc.
2. Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền.
3. Kết quả thi hành các khoản thu cho ngân sách nhà nước.
4. Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên.
5. Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên.
6. Kết quả đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự.
7. Kết quả áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế trong thi hành án dân sự.
8. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự.
9. Kết quả tiếp công dân trong thi hành án dân sự.
10. Kết quả giám sát, kiểm sát, kiểm tra thi hành án dân sự.
11. Kết quả giải quyết bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự.
12. Kết quả theo dõi thi hành án hành chính.

Điều 3. Cơ quan, cá nhân thực hiện biểu mẫu thống kê và trách nhiệm thực hiện biểu mẫu thống kê

1. Cơ quan, cá nhân thực hiện biểu mẫu thống kê
 - a) Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;
 - b) Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng;
 - c) Cục Thi hành án dân sự;
 - d) Phòng Thi hành án cấp quân khu;
 - đ) Chi cục Thi hành án dân sự;
 - e) Chấp hành viên làm công tác thi hành án dân sự tại các cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án trong quân đội;

g) Người được phân công làm công tác báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong cơ quan quản lý thi hành án dân sự, các cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án trong quân đội.

2. Trách nhiệm thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê

Trách nhiệm thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự được quy định tại Phụ lục Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự (quy định trách nhiệm thực hiện biểu mẫu) kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Cơ quan nhận báo cáo thống kê

1. Bộ Tư pháp.
2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.
3. Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp.
4. Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.
5. Tư lệnh cấp quân khu.
6. Cục Thi hành án dân sự.
7. Phòng Thi hành án cấp quân khu.
8. Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 5. Kỳ báo cáo thống kê

Báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất:

1. Báo cáo thống kê định kỳ gồm kỳ báo cáo thống kê 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 6 tháng, 7 tháng, 8 tháng, 9 tháng, 10 tháng, 11 tháng, 12 tháng. Kỳ báo cáo thống kê 12 tháng là kỳ báo cáo thống kê năm.

Kỳ báo cáo thống kê được tính bắt đầu từ ngày 01/10 của năm hiện tại, kết thúc vào ngày cuối tháng của các kỳ báo cáo thống kê. Năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự bắt đầu từ ngày 01/10 năm trước, kết thúc vào ngày 30/9 năm sau.

2. Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền, nhằm thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước trong thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính. Văn bản của người có yêu cầu báo cáo thống kê đột xuất phải nêu rõ thời gian, thời hạn, nội dung báo cáo thống kê và các yêu cầu khác (nếu có) để cơ quan, cá nhân được yêu cầu thực hiện.

Điều 6. Giá trị pháp lý của số liệu thống kê

Số liệu thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính là bộ phận của số liệu thống kê Ngành Tư pháp; là một trong những căn cứ để thực hiện việc quản lý, điều hành công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính. Sau khi công bố, phổ biến, số liệu thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính có giá trị pháp lý. Không tổ chức, cá nhân nào được thay đổi hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân khác công bố, phổ biến số liệu thống kê thi hành án dân sự sai sự thật.

Điều 7. Phương pháp tính trong báo cáo thống kê

Số liệu báo cáo thống kê thi hành án dân sự được tính theo phương pháp lũy kế và hướng dẫn chi tiết tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ

BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 8. Lập báo cáo thống kê

1. Kết thúc kỳ báo cáo thống kê, các cơ quan, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này phải chốt số liệu, khóa sổ để lập biểu báo cáo thống kê. Kết quả của kỳ nào phải báo cáo trong kỳ đó. Nghiêm cấm việc chuyển số liệu thống kê phát sinh của kỳ hiện tại sang kỳ sau.

2. Kết thúc kỳ báo cáo thống kê 3 tháng, 6 tháng, 10 tháng, 12 tháng, Chi cục Thi hành án dân sự chốt số liệu, lập danh sách số việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành đã chuyển sổ theo dõi riêng; danh sách việc thi hành án dân sự đang tổ chức thi hành; danh sách vụ việc bồi thường nhà nước đang theo dõi, giải quyết (bao gồm cả vụ việc do Toà án nhân dân đang thụ lý giải quyết); danh sách việc thi hành án cho tổ chức tín dụng gửi Cục Thi hành án dân sự.

Cục Thi hành án dân sự chốt số liệu, lập danh sách số việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành đã chuyển sổ theo dõi riêng; danh sách việc thi hành án dân sự đang tổ chức thi hành; danh sách vụ việc bồi thường nhà nước đang theo dõi, giải quyết (bao gồm cả vụ việc do Toà án nhân dân đang thụ lý giải quyết); danh sách việc thi hành án cho tổ chức tín dụng tại Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp danh sách chung của toàn tỉnh gửi Tổng cục Thi hành án dân sự để theo dõi, quản lý.

Phòng Thi hành án cấp quận khu chốt số liệu, lập danh sách việc thi hành án dân sự chưa thi hành xong, danh sách vụ việc bồi thường nhà nước đang theo dõi, giải quyết gửi Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng để theo dõi, quản lý.

3. Kết thúc kỳ báo cáo thống kê 12 tháng, Chi cục Thi hành án dân sự chốt số liệu, lập danh sách số việc thi hành án chưa thi hành xong chuyển kỳ sau gửi Cục Thi hành án dân sự. Cục Thi hành án dân sự chốt số liệu, lập danh sách số việc thi hành án chưa thi hành xong chuyển kỳ sau tại Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp danh sách chung của toàn tỉnh gửi Tổng cục Thi hành án dân sự để theo dõi, quản lý.

4. Ngày lập báo cáo thống kê là ngày Chấp hành viên tổng hợp số liệu, lập báo cáo thống kê gửi tới Thủ trưởng đơn vị hoặc ngày Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu, lập báo cáo thống kê của toàn tỉnh gửi tới cấp trên trực tiếp.

5. Cách ghi chép, lập báo cáo thống kê được thực hiện theo hướng dẫn tại bản giải thích biểu mẫu.

Điều 9. Hình thức báo cáo và phương thức gửi báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê thi hành án dân sự được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, họ tên của người lập biểu; chữ ký, họ tên của Thủ trưởng đơn vị và đóng dấu phát hành theo quy định. Báo cáo thống kê của Chấp hành viên có chữ ký của Chấp hành viên và xác nhận của Thủ trưởng đơn vị;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử được thể hiện dưới dạng ảnh (định dạng pdf) của báo cáo giấy hoặc văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo thống kê thi hành án dân sự được gửi tới nơi nhận bằng các phương thức:

a) Gửi bằng thư điện tử công vụ do Bộ Tư pháp cấp (*@moj.gov.vn);

b) Gửi trên Phần mềm quản lý văn bản của Bộ Tư pháp (qlvb.moj.gov.vn);

c) Việc gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong quân đội được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Trình tự, thời hạn gửi báo cáo thống kê

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chấp hành viên phải lập và gửi báo cáo thống kê tới Thủ trưởng đơn vị nơi công tác.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chi cục Thi hành án dân sự phải tổng hợp, lập báo cáo thống kê gửi tới Cục Thi hành án dân sự là cấp trên trực tiếp và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

3. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Cục Thi hành án dân sự phải tổng hợp, lập báo cáo thống kê của toàn tỉnh gửi tới Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chấp hành viên cơ quan thi hành án trong quân đội phải lập và gửi báo cáo thống kê tới Trưởng phòng Thi hành án cấp quân khu nơi công tác.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Phòng Thi hành án cấp quân khu phải lập và gửi báo cáo thống kê tới Tư lệnh quân khu, Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

6. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống

kê, Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng phải tổng hợp, lập và gửi báo cáo thống kê tới Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định.

7. Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính trong toàn quốc và số liệu thống kê thi hành án dân sự trong quân đội, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền khác khi có yêu cầu.

Điều 11. Chỉnh sửa số liệu báo cáo thống kê

Trường hợp phải chỉnh sửa số liệu báo cáo thống kê thi hành án dân sự thì cơ quan, cá nhân phải gửi báo cáo bổ sung và giải trình rõ về nội dung chỉnh sửa. Báo cáo bổ sung, giải trình phải có chữ ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, đóng dấu của cơ quan, gửi về Tổng cục Thi hành án dân sự theo phương thức đã quy định tại Điều 9 của Thông tư này. Nghiêm cấm việc tự ý tẩy xóa, chỉnh sửa trong biểu mẫu báo cáo thống kê.

Điều 12. Kiểm tra, thẩm tra thống kê

1. Kiểm tra thống kê thi hành án dân sự bao gồm các nội dung sau:

- a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê;
- b) Việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê;
- c) Các nội dung khác liên quan đến thống kê.

2. Thẩm tra thống kê thi hành án dân sự bao gồm các nội dung sau:

- a) Số liệu, bảng phân tích số liệu thống kê; nguồn số liệu thống kê; phương pháp tính số liệu thống kê;
- b) Các báo cáo về số liệu thống kê;
- c) Dữ liệu điện tử thống kê;
- d) Các số liệu khác liên quan đến thống kê;
- đ) Việc sử dụng số liệu thống kê.

Điều 13. Thẩm quyền công bố và phổ biến thông tin thống kê

Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố và phổ biến thông tin thống kê thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sử dụng số liệu, thông tin trong báo cáo thống kê

Số liệu và thông tin trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự được sử dụng làm một trong những căn cứ khi quyết định một số vấn đề cơ bản sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự; tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký và các công chức khác trong các kỳ báo cáo, năm báo cáo.

2. Lập kế hoạch thi hành án dân sự và giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự hàng năm cho các cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên.

3. Phân bổ biên chế; đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức lãnh đạo, quản lý; đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức của cơ quan thi hành án dân sự.

4. Xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổng hợp, bình xét thi đua, khen thưởng đối với cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên.

5. Thực hiện chế độ tài chính trong thi hành án dân sự; xem xét quyết định việc đầu tư kinh phí xây dựng trụ sở, kho vật chứng; trang cấp phương tiện làm việc cho Hệ thống Thi hành án dân sự và các nội dung khác liên quan đến bảo đảm tài chính, cơ sở vật chất để thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự.

6. Báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Đánh giá kết quả thi hành án hành chính làm căn cứ kiến nghị xử lý trách nhiệm trong thi hành án hành chính.

8. Sử dụng vào các công việc khác nhằm mục đích quản lý, điều hành hoạt động thi hành án dân sự.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch nhằm ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê thi hành án dân sự; nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm về thống kê, cơ sở dữ liệu điện tử về thống kê thi hành án dân sự.

2. Tổng cục Thi hành án dân sự giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

3. Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc.

4. Chi cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc các Chấp hành viên, người làm công tác thống kê trong đơn vị về việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

5. Cục Thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện và giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong quân đội.

6. Phòng Thi hành án cấp quân khu chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thẩm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với Chấp hành viên do mình quản lý.

7. Chấp hành viên chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và các nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2024, thay thế Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tư pháp quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

2. Đối với các biểu mẫu thống kê đã được lập đúng quy định trước khi Thông tư này có hiệu lực thì được công nhận và có giá trị pháp lý.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tư pháp (Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ);
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tư pháp tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Phòng Thi hành án cấp quân khu;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Thi hành án dân sự;
- Lưu: VT, Tổng cục THADS.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Mai Lương Khôi